



Tp.HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2011

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Liên Minh

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại điều lệ Công ty CP Liên Minh, tôi xin thay mặt Ban kiểm soát báo cáo với Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009

1.1/ Trong năm công ty đã hoàn tất hồ sơ đến việc xin niêm yết cổ phiếu Liên Minh (LMR) trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).

1.2/ Lựa chọn Công ty kiểm toán DTL làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2010.

1.3/ Kinh phí hoạt động và thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã được Đại hội cổ đông duyệt bằng.

+ Thù lao HĐQT: 264 triệu đồng Thực chi: HĐQT không nhận

+ Thù lao BKS : 120 triệu đồng Thực chi: 102 triệu đồng

1.4/ Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

1.5/ Việc thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2010 theo chi tiết sau:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)
Doanh thu thuần	177.399	151.871	86
Lợi nhuận trước thuế	49.142	40.358	82
Lợi nhuận sau thuế	36.857	30.186	82
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	3.686	3.019	82

2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2010

Ban kiểm soát đã tiến hành làm việc với Kế toán trưởng, rà soát báo cáo tài chính do Ban điều hành lập và có ý kiến của Kiểm toán độc lập DTL. Ban kiểm soát đã thống nhất với báo cáo tài chính và ý kiến của kiểm toán trên báo cáo tài chính năm 2010.

Sau đây là chi tiết trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL .

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		472.384.449.137	481.562.988.657
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.558.290.791	118.263.000
1. Tiền	111		6.558.290.791	118.263.000
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	56.092.718.642	680.975.000
1. Phải thu của khách hàng	131		46.044.520.692	
2. Trả trước cho người bán	132		3.619.195.100	432.094.000
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		6.429.002.850	248.881.000
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	380.909.653.605	451.636.226.982
1. Hàng tồn kho	141		380.909.653.605	451.636.226.982
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28.823.786.099	29.127.523.675
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.547.167.545	3.456.950.310
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	25.276.618.554	25.670.573.365

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.102.752.170	15.468.710.345
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
I. Tài sản cố định	220		2.802.274.214	3.974.471.748
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	2.762.274.226	3.914.471.756
Nguyên giá	222		4.554.055.434	5.095.181.343
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.791.781.208)	(1.180.709.587)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
Nguyên giá	225			
Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	39.999.988	59.999.992
Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.000.012)	(40.000.008)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
4. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		326.000.613	806.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.7	604.940.613	1.126.881.227
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	259		(278.940.000)	(320.881.227)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.974.477.343	10.688.238.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	3.974.477.343	10.688.238.597
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		479.487.201.307	497.031.699.002

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		343.184.470.232	390.808.823.365
I. Nợ ngắn hạn	310		318.564.470.232	345.688.823.365
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	136.002.000.000	100.499.000.000
2. Phải trả người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	90.797.638.682	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	28.062.692.484	735.828.283
5. Phải trả công nhân viên	315			
6. Chi phí phải trả	316	15		
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	63.639.577.298	244.453.995.082
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		62.561.768	-
II. Nợ dài hạn	330		24.620.000.000	45.120.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.13	24.600.000.000	45.100.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
7. Dự phòng trợ cấp thôi việc	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.302.731.075	106.222.875.637
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	136.302.731.075	106.222.875.637
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.000.000.000	4.000.000.000

3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		62.561.768	
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		32.240.169.307	2.222.875.637
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		479.487.201.307	497.031.699.002

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Đvt: đồng

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Th. minh</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	151.871.850.600	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		151.871.850.600	
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	108.437.151.249	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.434.699.351	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	115.561.594	64.995.787
7. Chi phí tài chính	22		122.395.639	83.227.273
Trong đó, chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	3.883.831.911	1.252.458.689
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		39.544.033.395	(1.270.690.175)
11. Thu nhập khác	31	6.5	1.157.870.983	2.787.339.088
12. Chi phí khác	32		343.080.888	
13. Lợi nhuận khác	40		814.790.095	2.787.339.088
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		40.358.823.490	1.516.648.913
15. Thuế TNDN hiện hành	51	6.6	10.172.291.284	265.413.560
16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	5.14	30.186.532.206	1.251.235.353
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	70		3.019	125

Một số nhận xét:

- Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đầy đủ theo chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Công tác hạch toán kế toán và lập Báo cáo tài chính theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC và những chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Hoạt động kinh doanh bất động sản của Công ty năm 2010 bị ảnh hưởng nhiều từ những bất ổn về kinh tế vĩ mô cũng như những rủi ro thay đổi chính sách, lạm phát tăng cao. Tuy nhiên, với định hướng phát triển và hỗ trợ kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo đã rất nỗ lực thực hiện đạt gần chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra.

3. Công tác điều hành của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

- Trong năm 2010 Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tổ chức họp ra các quyết định chỉ đạo kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tiếp tục phát huy tinh thần quản trị doanh nghiệp kịp thời hiệu quả trong thời gian tới.
- Đã hoàn tất hồ sơ đến việc xin niêm yết cổ phiếu Liên Minh (LMR) trên Sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE), đánh dấu một bước trưởng thành mới trong lịch sử phát triển của Công ty.
- Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều có sự tham gia của Ban kiểm soát để cùng tham gia đóng góp ý kiến cho hoạt động quản trị công ty.

4. Kiến nghị và phương hướng hoạt động năm 2011.

- Ban kiểm soát thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ theo các quy định hiện hành; trong đó tập trung kiểm tra việc tuân thủ quy định pháp luật và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010 và thường xuyên kiểm tra báo cáo tài chính tháng, quý, năm; qua đó kiến nghị và xử lý kịp thời.
- Theo CV số 2422/2010/SGDHCM-NY ngày 27/12/2010 sở GDCKNN, đề nghị Đại hội cổ đông thông qua thay đổi thành viên Ban Kiểm soát Ông Phùng Văn Quang đang là kiểm toán viên chính Kiểm toán Nhà nước KV4 và đề nghị bổ sung thành viên Ban Kiểm soát để phù hợp điều lệ Công ty.
- Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát, kính đề nghị Quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM. Ban Kiểm soát
TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- Hội đồng quản trị
- Ban điều hành
- Cổ đông công ty
- Lưu BKS, Vp.HĐQT

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mận